


CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THAM GIA BẢO HIỂM XÃ HỘI BẮT BUỘC trên địa bàn thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

 **Dương Thị Trà My***
Tô Thế Nguyên*
Nguyễn Thị Lan Hương*

Nhận: 15/11/2021
Biên tập: 01/12/2021
Duyệt đăng: 25/12/2021

Tóm tắt

Nghiên cứu sử dụng bộ số liệu thứ cấp giai đoạn 2017- 2020 và khảo sát 200 mẫu, trong đó 90 người sử dụng lao động (SDLĐ) và 110 bảo hiểm xã hội (BHXH) người lao động (NLĐ) trên địa bàn TP.Yên Bái, từ tháng 05 đến tháng 8/2021. Kết quả đánh giá thực trạng cho thấy, số lượng doanh nghiệp (DN), đơn vị tham gia BHXH đã tăng đáng kể, điều đó chứng minh nhận thức của họ đã có sự thay đổi đáng kể đối với BHXH. Tuy nhiên, sự hiểu biết và nhận thức về tầm quan trọng của BHXH bắt buộc của NLĐ và người SDLĐ, trong các khối DN là có sự khác biệt. Kết quả khảo sát cũng chỉ ra rằng, trình độ học vấn của chủ DN, tuổi DN; NLĐ có thu nhập cao và là nữ có ảnh hưởng tích cực đến việc tham gia BHXH bắt buộc, trong khi độ tuổi của NLĐ lớn hơn thì có xu hướng không tham gia BHXH bắt buộc.

Từ khóa: quản lý thu, BHXH bắt buộc, Yên Bái.

Abstract

This study uses a secondary data set for the period 2017-2020 and surveys 200 samples, in which 90 are employers and 110 are employees in Yen Bai city from May to August 2021. The results of the situation assessment show that the number of enterprises and units participating in social insurance has increased significantly, which proves that their awareness has significantly changed towards social insurance. However, the understanding and awareness of the importance of compulsory social insurance of employees and employers in the enterprise sector is different. The survey results also show that the education level of the business owner, the age of the business; high-income and female employees have a positive influence on participation in compulsory social insurance, while the older workers tend not to participate in compulsory social insurance.

Keywords: Collection management, Social insurance, Yen Bai.

1. Giới thiệu

An sinh xã hội luôn là những vấn đề lớn, quan trọng của mỗi quốc gia, trong đó BHXH là nhân tố trung tâm. BHXH là một trong những chính sách được Chính phủ Việt Nam đặc biệt quan tâm. Bởi lẽ, tiến bộ xã hội và phát triển kinh tế luôn phải đi đôi với đảm bảo an sinh xã hội.

Trong những năm gần đây, lĩnh vực BHXH đã và đang được nhiều học giả quan tâm nghiên cứu. Bên cạnh đó, những năm qua, Chính phủ Việt Nam ban hành nhiều văn bản, chính sách nhằm quản lý hoạt động BHXH bắt buộc. Trong đó, Nghị định số 12/CP quy định thực

hiện BHXH bắt buộc đối với công chức, công nhân viên chức Nhà nước và BHXH NLĐ tại các DN. Đồng thời, Nghị định số 19/CP thành lập BHXH Việt Nam, để giúp Chính phủ chỉ đạo công tác quản lý Quỹ BHXH và thực hiện thống nhất các chế độ, chính sách BHXH theo quy định của pháp luật. Đây là những tiền đề quan trọng, nhằm thực hiện chính sách BHXH ở mọi thành phần kinh tế.

Trong những năm qua, nhằm đảm bảo quyền lợi cho NLĐ, BHXH tỉnh Yên Bái đã chú trọng đến công tác tuyên truyền các

chính sách BHXH trong các DN. Đồng thời, cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, tạo cơ chế để hỗ trợ DN trong việc cập nhật thông tin của NLĐ và thực hiện nghĩa vụ tham gia bảo hiểm, qua đó phát triển đối tượng và tăng nguồn thu BHXH. Đến nay, trên địa bàn tỉnh Yên Bái đã có hơn 53 nghìn lao động tham gia BHXH bắt buộc, gần 800 nghìn người tham gia BHYT, số đơn vị SDLĐ tham gia bảo hiểm là gần 3.000 đơn vị (BHXH tỉnh Yên Bái, 2020).

Tuy nhiên, thời gian gần đây công tác thu BHXH bắt buộc còn

***Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội**

nhiều hạn chế. Số đơn vị, số NLD tham gia BHXH còn chưa nhiều, tình trạng nợ đọng BHXH diễn ra tại nhiều đơn vị, hiểu biết pháp luật về BHXH của người SDLĐ và NLD còn nhiều hạn chế. Hoạt động thu BHXH ở TP. Yên Bái cũng không tránh khỏi những hạn chế trên. Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên, một trong những nguyên nhân đó là sự quản lý chưa phù hợp với tình hình thực tế, sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan chưa nhịp nhàng, đồng bộ (BHXH tỉnh Yên Bái, 2020).

Công tác thu BHXH bắt buộc là nghiệp vụ chính, hết sức quan trọng, nó ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực thi các chính sách khác của ngành BHXH. Nếu không thu được BHXH bắt buộc thì quỹ BHXH sẽ không đảm bảo, để chi trả các chế độ khác cho NLD. Nghiên cứu này nhằm i) đánh giá thực trạng thu BHXH bắt buộc; và ii) phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến tham gia BHXH bắt buộc trên địa bàn TP. Yên Bái giai đoạn 2017- 2020. Các nội dung tiếp theo bao gồm: Mục 2 trình bày tổng quan nghiên cứu; Mục 3 trình bày số liệu và phương pháp nghiên cứu; Mục 4 trình bày kết quả nghiên cứu và thảo luận; Mục 5 là kết luận và một số hàm ý chính sách.

2. Tổng quan nghiên cứu

Nghiên cứu liên quan đến các vấn đề của BHXH được nhiều học giả quan tâm, với những cách tiếp cận khác nhau.

Về vai trò của BHXH

Wibbels & Ahlquist (2011) chỉ ra rằng, ở các nước đang phát triển có sự khác biệt đáng kể về số tiền họ chi cho BHXH. Nghiên cứu này

cho rằng, lựa chọn chiến lược phát triển của Chính phủ phụ thuộc vào quy mô thị trường trong nước, lượng lao động dồi dào và sự bất bình đẳng về đất đai trong bối cảnh hệ thống thương mại quốc tế đóng. Chiến lược phát triển là các Chính phủ ưu tiên ngân sách, đối với BHXH. Kết quả cho thấy rằng, các chính sách kinh tế trong những năm 1950, 1960 và 1970 đều tập trung ưu tiên các chính sách xã hội, ở các nước đang phát triển. Những ưu tiên này tạo nên những thay đổi mạnh mẽ, đối với các quốc gia đó. Bratsberg và cộng sự (2014) nghiên cứu thị trường lao động dài hạn và kết quả BHXH cho tất cả các nhóm người nhập cư chính đến Na Uy, kể từ năm 1970. BHXH đã tăng lên, khi người tị nạn và gia đình di cư hòa nhập trong thời kỳ đầu. Theo Ngọc Phương Thanh (2020), công tác quản lý thu BHXH bắt buộc là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong công tác quản lý BHXH, nhằm góp phần đảm bảo ASXH. Còn theo Huỳnh, T. N. (2021), đóng góp BHXH có thể nâng cao hiệu quả hoạt động của DN theo ba khía cạnh: lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE), năng suất lao động và năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP). Ngoài ra, đòn bẩy tài chính, quy mô DN, tiền lương bình quân của BHXH và tài sản cố định có tác động đến chi phí BHXH của các công ty này. Việc đóng BHXH không chỉ làm tăng năng suất lao động mà còn thúc đẩy tốc độ tăng TFP của các DN. Bairoliya & Miller (2021) phân tích tác động của chính sách BHXH và những thay đổi về nhân khẩu học, đối với di cư từ nông thôn ra thành thị ở Trung Quốc. Kết

quả nghiên cứu chỉ ra rằng, các chương trình BHXH không chỉ có tác động khác nhau đến dòng di cư thuần mà còn đến độ tuổi và phân bổ thu nhập của người di cư. Chính sách bảo hiểm y tế thành thị khuyến khích người dân di cư từ nông thôn ra thành thị. Già hóa dân số cũng làm tăng tỷ trọng người di cư trong độ tuổi lao động.

Về các nhân tố ảnh hưởng tới công tác thu BHXH

Nyland và cộng sự, (2006) chỉ ra rằng, thu BHXH chịu tác động của quy mô công ty, cơ cấu sở hữu và tỷ lệ rủi ro, đối với hành vi trốn tránh của người SDLĐ trong các khoản bảo trợ xã hội. Những kết quả này, sẽ cho phép các cơ quan thực thi nâng cao mức độ tuân thủ và cũng góp phần xây dựng lý thuyết về tầm quan trọng của các chính sách xã hội đối với người SDLĐ và tác động của bảo trợ xã hội, đối với chính sách nguồn nhân lực. Nghiên cứu của Nyland và cộng sự, (2011) cho rằng, quản lý việc tuân thủ BHXH của người SDLĐ là một thách thức quản trị đặc biệt khó khăn ở các nền kinh tế mới nổi có cơ chế quản lý yếu kém. Nghiên cứu này được thực hiện ở Thượng Hải, Trung Quốc xem xét người SDLĐ phản ứng với những nỗ lực của Nhà nước, nhằm quản lý hành vi BHXH. 05 mối quan tâm của người SDLĐ đối với các chính sách: xây dựng một chính sách hiệu quả, sân chơi bình đẳng, kiểm soát chi phí, danh tiếng công ty, tuyên dụng và duy trì. Hơn nữa, kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, có 03 đặc điểm của DN có thể ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ: các yếu tố rủi ro, thành phần kỹ năng của lực lượng lao động và hình thức sở hữu.

Liyne và cộng sự (2012) đã chỉ ra rằng, chính sách xã hội có ảnh hưởng đáng kể đến việc tham gia BHXH của tầng lớp dân cư; đặc điểm của DN có tác động tương đối mơ hồ mà không có sự thống nhất rõ ràng đối với việc tham gia BHXH của cộng đồng dân cư thà nổi (là những nhóm người nhập cư từ nơi khác nhưng chưa có hộ khẩu thường trú). Ở một mức độ nhất định, đặc điểm cá nhân của nhóm dân cư thà nổi có ảnh hưởng nhất định đến việc tham gia BHXH của họ nhưng sự ổn định việc làm của họ không phải là yếu tố quyết định đáng kể.

Trương Thị Phượng (2012) đã chỉ ra rằng, các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua BHXH tự nguyện bao gồm truyền thông, thu nhập, nhận thức về an sinh xã hội, hiểu biết và thái độ về BHXH tự nguyện của NLD. Theo Cao Văn Nhanh (2016), các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến quản lý thu BHXH đối với các DN gồm có hệ thống chính sách pháp luật về BHXH, các nhân tố thuộc về cơ quan BHXH và các nhóm nhân tố thuộc về NLD như việc làm, thu nhập và sự hiểu biết cũng như nhận thức về BHXH đối với NLD. Phân tích của Wu và cộng sự (2018) cho thấy, việc có hợp đồng ổn định và công việc ổn định cao có mối tương quan thuận với tỷ lệ bao phủ BHXH của người di cư nông thôn, trong khi kinh nghiệm di cư ổn định và ý định định cư tại thành phố sơ tại không làm tăng khả năng được tham gia BHXH.

Các phương pháp đánh giá các nhân tố ảnh hưởng tới công tác thu BHXH cũng khá đa dạng như phương pháp nghiên cứu định tính

sử dụng số liệu thứ cấp và sơ cấp thông qua điều tra khảo sát bằng bảng hỏi, với các đối tượng có liên quan (Cao Văn Nhanh, 2016; Ngọc Phương Thanh, 2020). Các phương pháp phân tích phổ biến được sử dụng là phương pháp tổng hợp, thống kê mô tả, phân tích so sánh (Cao Văn Nhanh, 2016; Ngọc Phương Thanh, 2020; Mai và cộng sự, 2021). Liyne và cộng sự (2012) đã sử dụng mô hình Logistic Regression, để xem xét các yếu tố quyết định việc tham gia BHXH của nhóm dân cư trôi nổi của Trung Quốc. Wu và cộng sự (2018) cũng đã sử dụng mô hình này, để đánh giá sự tham gia BHXH của lao động nhập cư từ nông thôn ra thành thị. Trong các mô hình này, các tác giả đã sử dụng các biến độc lập như tuổi, giới tính, tình trạng hôn nhân, thu nhập, trình độ giáo dục, nghề nghiệp và tình trạng di cư của NLD. Nguyên và cộng sự (2019) đã sử dụng phương pháp hồi quy đa biến để tìm ra 9 yếu tố như ảnh hưởng đến quyết định tham gia hoạt động BHXH tự nguyện là nhận thức về an sinh xã hội, thái độ của NLD, kiến thức về BHXH tự nguyện của NLD, ảnh hưởng xã hội của BHXH tự nguyện, thu nhập của NLD, phương tiện truyền thông xã hội, chính sách BHXH tự nguyện, sức khỏe của người trưởng thành. Nhận thức về tuổi già và trách nhiệm đạo đức bảo hiểm của NLD, trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Loan và cộng sự (2020) đã dựa trên mô hình TRA (Reasoned Action model) và lý thuyết TPB (Theory of planned behaviour) để xây dựng mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua BHXH tự nguyện của người dân

gồm 6 nhóm biến quan sát là nhận thức về an sinh xã hội; ảnh hưởng của người thân; truyền thông; lợi ích tài chính; thu nhập và thái độ của nhân viên đại lý bảo hiểm.

Các nghiên cứu trước đây đã cung cấp hệ thống lý luận liên quan đến các khía cạnh như vai trò của BHXH, đối với sự ổn định kinh tế - chính trị của một quốc gia và sự phát triển của tổ chức, đơn vị. Các nghiên cứu cũng đã xem xét đến một số các nhân tố ảnh hưởng đến công tác thu BHXH. Kết quả của các nghiên cứu chỉ ra rằng, việc đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến tham gia BHXH của NLD là rất quan trọng, đặc biệt là các nhân tố thuộc về bản thân NLD như trình độ, giới tính, tuổi, tình trạng lao động. Bởi vì những nhân tố này có liên qua trực tiếp đến việc tự nguyện tham gia BHXH cũng như hiệu quả của công tác thu BHXH. Tuy nhiên, các nghiên cứu tập trung đi sâu nghiên cứu các nhân tố thuộc về phía NLD có ảnh hưởng đến công tác thu BHXH còn khá hạn chế. Thêm vào đó, dường như có rất ít nghiên cứu trong nước sử dụng phương pháp định lượng để đánh giá xu hướng và mức độ ảnh hưởng của các nhân tố này.

3. Phương pháp nghiên cứu và mẫu khảo sát

Phương pháp thu thập số liệu

Nghiên cứu sử dụng cả số liệu sơ cấp và thứ cấp để phân tích và đánh giá. Trong đó, số liệu thứ cấp bao gồm số liệu trong báo cáo thống kê về thu BHXH bắt buộc, trên địa bàn TP. Yên Bái giai đoạn 2017-2020 của BHXH Yên Bái.

Để thu thập số liệu sơ cấp, 110 BHXH được chọn ngẫu nhiên từ

các DN, trên địa bàn tỉnh Yên Bái để thực hiện khảo sát trực tiếp. Câu hỏi trong bảng hỏi được thiết kế dựa trên nghiên cứu của Loan và cộng sự (2020). Nội dung khảo sát liên quan đến tuổi, giới tính, trình độ học vấn, tình trạng hôn nhân, thu nhập, thực trạng nghề nghiệp, thực trạng về tham gia BHXH bắt buộc của NLĐ, thời gian làm việc, thời hạn của hợp đồng lao động, nhận thức của NLĐ về việc đóng BHXH, nhận thức về quyền lợi của NLĐ khi tham gia BHXH, đánh giá mức đóng BHXH bắt buộc mà NLĐ phải đóng.

Nghiên cứu cũng tiến hành khảo sát trực tiếp đối với 90 người SDLĐ là các đơn vị hành chính sự nghiệp, đoàn thể, DN nhằm thu thập các thông tin về loại hình hoạt động, SDLĐ, các quy định về BHXH bắt buộc hiện hành, các vướng mắc về thủ tục hành chính khi giao dịch với cơ quan BHXH.

Các biến liên quan đến đặc điểm riêng của NLĐ và người SDLĐ (như giới tính, tuổi, trình độ, thu nhập, số năm làm việc, tình trạng công việc...) là các biến định danh hoặc biến liên tục. Các câu hỏi

khảo sát NLĐ và người SDLĐ nhằm thu thập thông tin đánh giá của họ về mức đóng BHXH, nhận thức của họ về BHXH được thiết kế dưới dạng thang đo likert 5 mức độ (chi tiết các mức độ đánh giá được trình bày ở kết quả nghiên cứu). Thời gian thực hiện khảo sát từ tháng 5 đến tháng 8/2020, các phiếu khảo sát thu về đều hợp lệ để phục vụ mục tiêu nghiên cứu.

Bảng 1 đưa đến những thông tin cơ bản về các yếu tố được sử dụng trong mô hình ước lượng sự tham gia của người SDLĐ và NLĐ, đối với BHXH. Trong dữ liệu này, có khoảng 73,3% số người SDLĐ và 61,3% số NLĐ tham gia BHXH. Có khoảng 41,7% các DN hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ. Trình độ học vấn của người SDLĐ là tương đối khá, với số năm đi học trung bình là hơn 15 năm. Đa phần người SDLĐ có trình độ ít nhất là trung cấp.

Các đặc điểm đối với nhóm NLĐ được điều tra, cho thấy có hơn 60% số NLĐ là nam. Trong khi đó, có khoảng 31,8% NLĐ là lao động hành chính và 60% là lao động phổ thông. Tuổi trung bình của BHXH

là khá trẻ (khoảng 25 tuổi). NLĐ sinh sống ở khu vực thành thị chiếm 31%, 51% trong số họ là đã có gia đình với mức thu nhập bình quân là 61 triệu đồng/năm.

Phương pháp phân tích

Để mô tả và đánh giá nhận thức của NLĐ và người SDLĐ đối với BHXH, nghiên cứu này dùng phương pháp phân tổ thống kê và tổng hợp thống kê, tính toán các loại số tuyệt đối, tương đối, số bình quân. Sử dụng các chỉ tiêu số tuyệt đối, số tương đối, số bình quân để so sánh và phân tích làm rõ mối quan hệ của các hoạt động. Trên cơ sở kết quả tính được được, nghiên cứu tiến hành đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến tham gia BHXH bắt buộc trên địa bàn TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngoài ra, nghiên cứu này còn sử dụng mô hình probit để ước lượng hành vi tham gia BHXH của NLĐ cũng như người SDLĐ, mô hình probit được thể hiện như sau:

$$y_i = \beta x_i + \varepsilon_i, \quad (1)$$

Với y là sự tham gia BHXH của NLĐ hoặc người SDLĐ;

$y = 1$ nếu người SDLĐ/NLĐ có xu hướng tham gia BHXH và $y = 0$ nếu họ không tham gia;

x_1 là các yếu tố ảnh hưởng đến ra quyết định lựa chọn tham gia BHXH của người SDLĐ và NLĐ, $i = 1, \dots, n$;

β là hệ số của các biến x_i ; và ε_i là sai số ngẫu nhiên.

Các biến giải thích của mô hình này được trình bày cụ thể, trong Bảng 1.

Trong phân tích này, xác suất (Pr) của mỗi cá nhân thứ i là ngẫu nhiên được rút ra từ tổng thể và được biểu diễn như sau:

Bảng 1: Thống kê mô tả các biến đánh giá sự tham gia BHXH của người SDLĐ và BHXH

Các biến	Trung bình	Sai số chuẩn	Min	Max
Đánh giá sự tham gia BHXH của người SDLĐ				
Người SDLĐ (1=tham gia, 0= không tham gia)	0,733	0,256	0	1
Lĩnh vực hoạt động của DN (0=sản xuất, 1=dịch vụ)	0,417	0,522	0	1
Trình độ học vấn của người SDLĐ (số năm đi học)	15,912	0,426	12	18
Tuổi của người SDLĐ (năm)	34,118	0,329	23	66
Giới tính của người SDLĐ (1=nam, 0=nữ)	0,544	0,513	0	1
Số năm hoạt động (năm)	7,405	0,317	3	12
Đánh giá sự tham gia BHXH của NLĐ				
BHXH (1=tham gia, 0= không tham gia)	0,613	0,351	0	1
Lao động hành chính (1=có, 0=khác)	0,318	0,302	0	1
Lao động phổ thông (1=có, 0=khác)	0,601	0,629	0	1
Khu vực sinh sống (1=thành thị, 0=nông thôn)	0,316	0,406	0	1
Tình trạng hôn nhân (1=đã kết hôn, 0= chưa)	0,516	0,521	0	1
Tuổi của BHXH	25,443	0,632	19	60
Giới tính (1=nam, 0=nữ)	0,613	0,602	0	1
Số năm hoạt động (năm)	9,211	0,317	3	22
Thu nhập (triệu đồng/năm)	61,123	0,329	42	219

(Nguồn: tổng hợp từ số liệu điều tra)

$$\Pr(y_i \neq 0 | x_i) = \frac{\exp(\beta_j y_i)}{1 + \exp(\beta_j y_i)} \quad (2)$$

Khi đó, hàm probit sẽ là:

$$\Pr(y_i \neq 0 | x_i) = \int_{-\infty}^{\beta_j x_i} \phi(t) dt \quad (3)$$

với $\phi(\cdot)$ là hàm mật độ tiêu chuẩn.

Điều kiện của giới hạn tính không đồng nhất, hàm xác suất được biểu diễn như sau:

$$L = \prod_{y_j=0} F(\beta x_i)^{m_i} \cdot \prod_{y_j=1} [1 - F(\beta x_i)]^{1-m_i}$$

trong đó:

$F(\cdot)$ là một hàm quan hệ giữa các quan sát.

m_i xác định khả năng tham BHXH của mỗi cá nhân.

Khi đó, hàm khả năng của mô hình probit được mô phỏng là:

$$\ln L_i = \sum_{i=1}^n \{m_i \ln F(\beta x_i) + (1 - m_i) \ln [1 - F(\beta x_i)]\}$$

số lượng $\sum_{i=1}^n L_i$ phụ thuộc vào hệ số β

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Thực trạng tham gia BHXH bắt buộc ở TP. Yên Bái

Theo báo cáo tổng kết công tác BHXH TP. Yên Bái các năm 2017 đến 2020, trên địa bàn TP. Yên Bái, số đơn vị tham gia BHXH trong giai đoạn 2017-2020 có sự tăng đáng kể, năm sau đều cao hơn năm trước, bình quân tăng 20,1%. Đối với DN ngoài quốc doanh, các đơn đăng ký tham gia tăng đều và nhanh. Năm 2017 có 98 đơn vị, đến năm 2020 có 220 đơn vị, bình quân tăng 30,9%. Đối với DN nhà nước, bình quân tăng 10,1%. DN có vốn đầu tư nước ngoài tăng bình quân 17,4%. DN tư nhân tăng bình quân 4,8% trong khi đó, các đơn vị hành chính sự nghiệp và đoàn thể chỉ tăng 2,6% (Bảng 2).

Bảng 2: Các đơn vị tham gia BHXH bắt buộc

Số các loại hình đơn vị tham gia BHXH	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Bình quân (%)
Hành chính sự nghiệp và đảng đoàn thể	25	26	27	27	102,6
DN nhà nước	3	4	5	4	110,1
DN ngoài quốc doanh	98	103	124	220	130,9
DN có vốn đầu tư nước ngoài	113	115	156	183	117,4
DN tư nhân, hợp tác xã	33	36	37	38	104,8
Tổng số các đơn vị	272	284	349	472	120,1

(Nguồn: BHXH TP. Yên Bái, 2017-2020).

Bảng 3: Số lao động tham gia BHXH bắt buộc của các đơn vị, tổ chức

Các tổ chức tham gia BHXH	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Bình quân (%)
Hành chính sự nghiệp và đảng đoàn thể	2.086	2.087	2.087	2.085	99,9
DN Nhà nước	183	185	183	182	99,8
DN ngoài quốc doanh	4.981	4.786	5.276	5.298	102,1
DN có vốn đầu tư nước ngoài	36	38	51	58	117,2
DN tư nhân, hợp tác xã	98	101	116	118	106,3

(Nguồn: BHXH TP. Yên Bái, 2017-2020).

Nhìn chung, số đơn vị của khối DNNN và khối hành chính sự nghiệp có xu hướng tăng nhẹ, ngược lại số đơn vị của khối ngoài quốc doanh có xu hướng tăng mạnh qua các năm, các khối khác (khối hợp tác xã, ngoài công lập) không có biến động lớn. Điều đó cũng dẫn đến số lao động thuộc khối DN Nhà nước và hành chính sự nghiệp giảm đi, số lao động thuộc khối ngoài quốc doanh tăng lên nhanh chóng, đây có thể sẽ tạo ra một nguồn thu đáng kể cho quỹ BHXH. Đó cũng là xu hướng hầu hết của các cơ quan BHXH, trên toàn quốc hiện nay.

Bảng 3 cho thấy, tỷ lệ NLD tham gia BHXH trong các DN có xu hướng tăng trong khối các DN ngoài quốc doanh. NLD trong các DN có vốn đầu tư nước ngoài tham gia BHXH có xu hướng tăng nhanh nhất (17,2%), tiếp đó là NLD trong các DN tư nhân, hợp tác xã (6,3%), DN ngoài quốc doanh tăng 2,1% và các đơn vị xã phường tăng bình quân 0,4% trong giai đoạn 2017-2020. Điều này chứng tỏ nhận thức về BHXH, lợi ích mang lại từ tham gia BHXH của NLD ngày càng được nâng lên, từ đó họ tích cực

tham gia BHXH. Đây là chiều hướng tốt cho quỹ BHXH, hệ thống BHXH và cho cả xã hội. Tuy nhiên, số lao động tham gia BHXH thuộc khối hành chính sự nghiệp và đoàn thể cũng như DN nhà nước, lại có xu hướng giảm.

3.2. Phân tích các đánh giá về bảo hiểm bắt buộc trên địa bàn TP. Yên Bái

3.2.1. Mức đóng BHXH

Theo kết quả khảo sát ý kiến NLD và người SDLĐ (Bảng 4) về mức đóng BHXH cho thấy, ý kiến của NLD chỉ tập trung ở hai mức đánh giá là mức đóng cao và mức đóng phù hợp. Đa số những người chưa tham gia BHXH, đều đánh giá mức đóng BHXH là cao. Điều này có thể do mức thu nhập của phần lớn người NLD còn thấp nên theo họ thì khoản phí để đóng BHXH căn cứ mức lương hiện tại là cao. Thêm vào đó, một số DN nhỏ sản xuất kinh doanh chưa tốt, chủ yếu thuê lao động phổ thông, chưa qua đào tạo, chưa có tay nghề theo mùa vụ, tiền lương thấp nên NLD không muốn tham gia BHXH. Và đây cũng có thể là lý do của việc không tham gia BHXH của NLD và người SDLĐ.

3.2.2. Nhận thức về BHXH bắt buộc

Nhận thức sự công bằng và bình đẳng trong thi hành nghĩa vụ nộp BHXH, một vấn đề tác động tâm lý rất lớn đến hành vi thi hành pháp luật BHXH của các DN (người SDLĐ) là sự cảm nhận về sự công bằng và bình đẳng trong việc tuân thủ nghĩa vụ nộp BHXH. Có thể do sự không tin tưởng về sự không công bằng, sẽ dẫn đến sự chấp nhận vi phạm pháp luật BHXH của người SDLĐ.

Theo kết quả điều tra ở Bảng 5 có thể thấy, đối với nhóm đối tượng là người SDLĐ đã tham gia BHXH thì nhận thức của họ về BHXH bắt buộc là tương đối khá. Bên cạnh đó, một bộ phận không nhỏ người SDLĐ chưa tham gia BHXH là chưa có hiểu biết đầy đủ về pháp luật nói chung và pháp luật BHXH nói riêng. Đối với đối tượng là NLĐ thì mức độ hiểu biết của họ về BHXH bắt buộc còn hạn chế hơn so với người SDLĐ. Nhận thức về quyền lợi và nghĩa vụ trong tham gia BHXH của đa số NLĐ trong các DN đặc biệt là DN vừa và nhỏ còn rất thấp, thậm chí họ không hiểu BHXH bắt buộc là gì và khi tham gia sẽ được quyền lợi như thế nào.

Sự chưa hiểu biết đầy đủ về pháp luật BHXH là rào cản, đối với sự tham gia BHXH và đã làm giảm mức độ thực thi pháp luật của đối tượng tham gia. Kết quả này tương tự như kết quả của Mai và cộng sự (2021). Thông qua kết quả này chúng tôi nhận thấy rằng, việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về BHXH là rất quan trọng để cả những người đã tham gia BHXH có thể hiểu về quyền lợi của mình và giúp cho người chưa

Bảng 4: Đánh giá của người SDLĐ về mức đóng đến kết quả thu BHXH bắt buộc

Mức đánh giá	Đã tham gia		Chưa tham gia	
	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)
Người SDLĐ	66	100,0	24	100,0
Mức đóng rất cao			1	4,2
Mức đóng cao	26	39,4	15	62,5
Mức đóng phù hợp	33	50,0	8	33,3
Mức đóng thấp	7	10,6		
Mức đóng rất thấp				
BHXH	36	100,0	74	100,0
Mức đóng rất cao				
Mức đóng cao	24	66,7	56	75,6
Mức đóng phù hợp	12	33,3	18	24,4
Mức đóng thấp				
Mức đóng rất thấp				

(Nguồn: tổng hợp từ số liệu điều tra, 2020)

Bảng 5: Mức độ hiểu biết về BHXH bắt buộc của người SDLĐ

Mức độ hiểu biết	Đã tham gia		Chưa tham gia	
	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)
Người SDLĐ	66	100,0	24	100,0
Hiểu rất đầy đủ				
Hiểu đầy đủ	27	40,9	6	25,0
Có biết tương đối	36	54,5	6	25,0
Biết chút ít	3	4,5	12	50,0
Không biết chút nào				
BHXH	36	100,0	74	100,0
Hiểu rất đầy đủ				
Hiểu đầy đủ	5	13,9	12	16,3
Có biết tương đối	12	33,3	15	20,2
Biết chút ít	19	52,8	47	63,5
Không biết chút nào				

(Nguồn: tổng hợp từ số liệu điều tra, 2020)

Bảng 6: Nhận thức về tầm quan trọng của BHXH bắt buộc

Mức độ hiểu biết	Các DN		Đơn vị hành chính	
	Số ý kiến	Tỷ lệ (%)	Số ý kiến	Tỷ lệ (%)
Người SDLĐ	24	100,0	66	100,0
BHXH là rất quan trọng			20	30,3
BHXH khá quan trọng	2	8,3	21	31,8
BHXH là tương đối quan trọng	5	20,8	19	28,8
BHXH là ít quan trọng	8	33,3	5	7,6
BHXH không quan trọng	9	37,5	1	1,5
BHXH	74	100,00	36	100,00
BHXH là rất quan trọng	3	4,1	15	41,7
BHXH khá quan trọng	7	9,4	12	33,3
BHXH là tương đối quan trọng	28	37,8	8	22,2
BHXH là ít quan trọng	30	40,5	1	2,8
BHXH không quan trọng	6	8,1	-	-

(Nguồn: tổng hợp từ số liệu điều tra, 2020)

tham gia BHXH nhận thức được đầy đủ về ý nghĩa của BHXH và trách nhiệm của bản thân trong việc tham gia BHXH.

Bảng 6 cho thấy, đối với các đơn vị hành chính sự nghiệp thì đa số người được hỏi cho rằng, BHXH bắt buộc là tương đối quan trọng

đến rất quan trọng. Ngược lại, tỷ lệ NLĐ và người SDLĐ trong các DN lại đánh giá tầm quan trọng của BHXH bắt buộc ở mức thấp. Sự khác biệt này chính là nguyên nhân dẫn đến thực hiện các nghĩa vụ BHXH bắt buộc ở mỗi đơn vị là khác nhau. NLĐ trong các DN sẽ

thiệt thòi hơn bởi nhận thức chưa đầy đủ này. Hạn chế này một phần là do sự thờ ơ, thiếu trách nhiệm của bản thân NLD. Mặc dù cơ quan BHXH đã đẩy mạnh biện pháp tuyên truyền, hỗ trợ nhưng số lượng NLD không quan tâm đến các chính sách BHXH vẫn còn khá lớn. Thêm vào đó, theo Loan và cộng sự (2020) các cơ chế, chế tài xử lý đối với việc trốn tránh nghĩa vụ tham gia BHXH bắt buộc là chưa đủ mạnh nên chưa tạo được sự chuyển biến trong nhận thức của NLD và người SDLĐ.

3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến tham gia BHXH trên địa bàn TP. Yên Bái

3.3.1 Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia BHXH của BHXH

Nghiên cứu đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia BHXH bắt buộc của NLD ở TP. Yên Bái thông qua mô hình probit dựa trên công thức (1) và (2) ở mục 3.2. Kết quả chỉ ra rằng, yếu tố hành chính (lao động hành chính) có nghĩa thống kê ở mức 5% và có tác động nhiều nhất tới tăng khả năng lựa chọn tham gia BHXH bắt buộc. Tiếp theo những NLD có thu nhập cao và là nữ thì có xu hướng tham gia BHXH bắt buộc nhiều hơn (Bảng 7). Kết quả này khẳng định lại kết quả nghiên cứu của Nguyen và cộng sự (2019), Nguyen (2017) về tầm quan trọng của thu nhập đối với việc tham gia bảo hiểm.

Đối với biến độ tuổi có mức ý nghĩa thống kê 1%, kết quả hàm ý rằng nếu độ tuổi của NLD lớn hơn thì họ có xu hướng không tham gia BHXH bắt buộc. Đây là yếu tố có tác động tiêu cực nhất đến sự lựa chọn tham gia BHXH của NLD.

Bảng 7: Kết quả ước lượng sự lựa chọn tham gia BHXH của NLD

Các yếu tố ảnh hưởng	Hệ số	Sai số chuẩn	Hiệu ứng biên	Sai số chuẩn
Lao động hành chính	0,271**	(0,317)	0,196	(0,215)
Lao động phổ thông	0,306	(0,532)	0,181	(0,206)
Khu vực sinh sống	0,267	(0,373)	0,101	(0,345)
Tình trạng hôn nhân	0,171	(0,323)	0,122**	(0,281)
Tuổi	-0,174***	(0,123)	-0,101***	(0,105)
Giới tính	-0,141*	(0,272)	-0,112***	(0,348)
Thu nhập	0,107*	(0,461)	0,102	(0,338)
Hệ số tự do	0,155	(0,302)		

Ghi chú: *, **, *** có ý nghĩa thống kê ở mức 10%, 5% và 1%, tương ứng (n=110).
(Nguồn: kết quả tính toán của nhóm tác giả, phần mềm hỗ trợ Stata 16)

Bảng 8: Kết quả ước lượng sự lựa chọn tham gia BHXH của người SDLĐ

Các yếu tố ảnh hưởng	Hệ số	Sai số chuẩn	Hiệu ứng biên	Sai số chuẩn
DN (0=sản xuất, 1=dịch vụ)	0,215**	(0,306)	0,291***	(0,268)
Trình độ học vấn	0,261**	(0,471)	0,302*	(0,341)
Tuổi	-0,071	(0,213)	-0,092	(0,301)
Giới tính	0,082	(0,571)	-0,105	(0,218)
Số năm hoạt động	0,112*	(0,341)	0,109**	(0,331)
Hệ số tự do	0,351	(0,505)		

Ghi chú: *, **, *** có ý nghĩa thống kê ở mức 10%, 5% và 1%, tương ứng (n=102).
(Nguồn: kết quả tính toán của nhóm tác giả, phần mềm hỗ trợ Stata 16)

Kết quả này là tương đồng với kết quả nghiên cứu của Bairoliya & Miller (2021). Trong nghiên cứu này, các yếu tố như nhóm nghề lao động phổ thông; khu vực sinh sống và tình trạng hôn nhân được đưa vào ước lượng nhưng không có ý nghĩa thống kê.

3.3.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia BHXH của người SDLĐ

Tương tự, nghiên cứu này sử dụng mô hình probit để đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia BHXH bắt buộc của người SDLĐ ở TP. Yên Bái. Kết quả chỉ ra rằng, các DN trong lĩnh vực dịch vụ có xu hướng lựa chọn tham gia BHXH bắt buộc với mức ý nghĩa thống kê ở mức 5%. Kết quả này là đi ngược lại với kết quả nghiên cứu của Mai và cộng sự. (2021). Tiếp theo trình độ học vấn của những chủ DN càng cao thì họ có xu hướng tham gia BHXH bắt buộc nhiều hơn (Bảng 8).

Hơn nữa, kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, những DN có thâm niên lâu hơn thì có xu hướng tham gia BHXH bắt buộc nhiều

hơn những DN có thâm niên ít hơn với mức ý nghĩa thống kê ở 10%.

4. Kết luận và một số hàm ý chính sách

Thu BHXH bắt buộc trong những năm qua trên địa bàn TP.Yên Bái, cho thấy có những chuyển biến tích cực. Số đơn vị tham gia BHXH trong giai đoạn 2017-2020, đều có sự tăng đáng kể, tuy nhiên nhận thức của người SDLĐ và NLD về trách nhiệm thực hiện pháp luật BHXH còn có sự khác biệt. Có tới trên 75% NLD trong các DN cho rằng, BHXH bắt buộc là không quan trọng. Tuy nhiên, ngược lại có trên 75% NLD làm việc trong các cơ quan hành chính thì đều cho rằng, tham gia BHXH là rất quan trọng đối với họ. Đối với người SDLĐ, 56,7% số DN cho rằng, BHXH bắt buộc chỉ là tương đối quan trọng, 25,7% số DN cho rằng không quan trọng và chưa đến 20% số DN được khảo sát cho rằng BHXH là rất và khá quan trọng. Tuy nhiên, đối với các đơn vị hành chính sự nghiệp thì có tới trên 70% số các đơn vị khảo sát,

Tài liệu tham khảo

cho rằng BHXH bắt buộc là rất quan trọng. Sự khác biệt này chính là nguyên nhân dẫn đến thực hiện các nghĩa vụ BHXH bắt buộc, ở mỗi đơn vị là khác nhau. NLĐ trong các DN sẽ thiệt thòi hơn, bởi nhận thức chưa đầy đủ này.

Kết quả còn chỉ ra rằng, trình độ học vấn của những chủ DN càng cao thì họ có xu hướng tham gia BHXH bắt buộc nhiều hơn. Những DN có thâm niên lâu hơn thì có xu hướng tham gia BHXH bắt buộc nhiều hơn những DN có thâm niên ít hơn. Hơn nữa, những NLĐ có thu nhập cao và là nữ thì có xu hướng tham gia BHXH bắt buộc nhiều hơn. Độ tuổi của NLĐ lớn hơn thì họ có xu hướng không tham gia BHXH bắt buộc.

Từ kết quả nghiên cứu này, các cơ quan chức năng nên tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, vận động, giáo dục với nhiều hình thức để nâng cao nhận thức của các cơ quan, tổ chức, NSDLĐ và NLĐ về ý nghĩa, tầm quan trọng của chính sách BHXH. Thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ BHXH cho NLĐ. Tăng cường và nâng cao chất lượng các hoạt động phối hợp quản lý NLĐ, trong các DN giữa BHXH và các ngành có liên quan, trên địa bàn TP. Yên Bái.

Mặc dù đã đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên nghiên cứu này còn có một số hạn chế như: số lượng mẫu điều tra chưa lớn, dữ liệu điều tra mới chỉ ở một thời điểm. Trong các nghiên cứu tiếp theo, chúng tôi sẽ mở rộng để có được mẫu quan sát bao trùm hơn, hơn nữa số liệu điều tra cần lặp lại để đánh giá được những tác động, thay đổi theo thời gian. ■

1. Bairoliya, N., & Miller, R. (2021) "Social insurance, demographics, and rural-urban migration in China", *Regional Science and Urban Economics* 91, 103615.

2. BHXH tỉnh Yên Bái (2020) "Báo cáo tổng kết công tác bảo hiểm năm 2020".

3. BHXH TP. Yên Bái (2017-2020) "Báo cáo tổng kết công tác năm 2017-2020".

4. Bratsberg, B., Raaum, O., & Røed, K. (2014) "Immigrants, labour market performance and social insurance", *The Economic Journal* 124(580), F644-F683.

5. Chính phủ (1995) "Nghị định số 19/NĐ-CP ngày 26/02 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập BHXH Việt Nam.

6. Chính phủ (2002) Nghị định số 100/2002/NĐ - CP ngày 06/12 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của BHXH Việt Nam.

7. Cao Văn Nhanh (2018) "Hoàn thiện công tác quản lý thu BHXH bắt buộc đối với DN trên địa bàn tỉnh Bến Tre" Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Trà Vinh.

8. Gontmakher, E. (2019) "Mandatory social insurance in Russia: Ways of reforming" *Russian Politics*, 4(4), 447-465.

9. Huynh, T. N. (2021) "Impacts of social insurance on firm performance: Evidence from Vietnamese small-and medium-sized enterprises", *International Journal of Emerging Markets*.

10. Llyne, L., & Zhu, Y. (2012) "A multi level analysis on the determinants of social insurance participation of China's floating population: A case study of six cities in Fujian province", *International Research Journal of Finance and Economics*, 19(4), 14-25.

11. Loan, M. T., & Quyên, N. H. T. (2020) "Factors affecting buying decision on voluntary social insurance in Vinh Long city in Vinh Long province, Viet Nam" *British Journal of Marketing Studies*, 8(5), 1-12.

12. Mai, L., Nguyen, H. T., Nguyen, N. T., & Nguyen, T. T. (2021) "Voluntary social insurance for Vietnamese laborers in the informal economic sector" *Asian Social Work and Policy Review*, 15(1), 4-14.

13. Nguyen, M. N. (2017) "Developing voluntary social insurance: Current problems in Hanoi. *Journal of Social Insurance*" 3(2), 26-36.

14. Ngọc Phương Thanh (2020) "Hoàn thiện công tác quản lý thu BHXH bắt buộc đối với DN ngoài quốc doanh trên địa bàn tỉnh Trà Vinh" Luận văn Thạc sỹ, Trường Đại học Trà Vinh.

15. Nyland, C., Smyth, R., & Zhu, C. J. (2006) "What determines the extent to which employers will comply with their social security obligations? Evidence from Chinese firm-level data" *Social Policy & Administration*, 40(2), 196-214.

16. Nyland, C., Thomson, S. B., & Zhu, C. J. (2011) "Employer attitudes towards social insurance compliance in Shanghai, China" *International Social Security Review*, 64(4), 73-98.

17. Nguyen, H. H., Nguyen, T. T., Nguyen, P. T., & Branch, B. T. V. (2019) "The Factors effecting the decision to participate in voluntary social insurance of Vietnamese employees: The case of Tra Vinh province" *Research in World Economy*, 10(3), 431-437.

18. Trương Thị Phương (2012) "Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định tham gia BHXH tự nguyện của BHXH khu vực phi chính thức tại tỉnh Phú Yên" Luận văn Thạc sỹ, Đại học Nha Trang.

19. Wibbels, E., & Ahlquist, J. S. (2011) "Development, trade, and social insurance" *International Studies Quarterly*, 55(1), 125-149.

20. Wu, Y., & Xiao, H. (2018) "Social insurance participation among rural migrants in reform era China" *Asian and Pacific Migration Journal*, 27(4), 383-403.